TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2019.

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị N và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Tiến

2. Bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụytham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 6 năm 2019 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Phạm Huy C, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện,tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ctự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 1 năm 2010 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C luôn ghen tuông, mắng chửi, đánh đập chị, sau một thời gian chịu đựng đến ngày 20/3/2019 chị bỏ lên Hà Nội làm thuê và sống ly thân với anh C từ ngày đó, trong thời gian ly thân

anh thường xuyên đe dọa chị, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Phạm Huy Đức A1 sinh ngày 27/7/2007 và Phạm Thị Phương A2 sinh ngày 09/1/2014. Chị xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị và anh C không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa - bị đơn anh Phạm Huy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình và điệu kiện kết hôn đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian tại gia đình bố mẹ đẻ anh, trong quá trình chung sống anh nghi ngờ chị không chung thủy, nên do nóng nảy anh có tát chị N, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng anh chưa có biện pháp hòa giải để đoàn tụ. Chị N xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Huy Đức A1 sinh ngày 27/7/2007 và Phạm Thị Phương A2 sinh ngày 09/1/2014. Ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh chị không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh C. Giao con Đức A1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phương A2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.Về tài sản chung hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị N

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Huy C tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 1 năm 2010 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Thái Bìn là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, anh chị đã sống chung với gia đình bố mẹ đẻ anh C tại xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hai bên xác định có mâu thuẫn, do ghen tuông, không tin tưởng nhau. Quá trình tố tụng anh C xác định đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và quyết định xét xử tuy nhiên do điều kiện anh Chung không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa anh thừa nhận chị đã bỏ nhà anh lên Hà Nội và sống ly thân với anh, anh thừa nhận anh chưa có biện pháp hóa giải tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N, chị N vẫn một mực xin ly hôn anh. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh C

[4] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Huy Đức A1 sinh ngày 27/7/2007 và Phạm Thị Phương A2 sinh ngày 09/1/2014. Xét yêu cầu nhận nuôi con của hai bên đương sự thì thấy quá trình tố tụng anh C trình bày lý do anh không đến Tòa án làm việc để cung cấp tài liệu về thu nhập cho yêu cầu nhận nuôi con của anh, vì anh đi làm ăn xa. Hội đồng xét xử xét thấy anh C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án là đảm bảo quyền lợi của bị đơn theo quy định tại điều 72 bộ luật tố tụng dân sự, việc anh không chấp hành pháp luật là tự tước bỏ quyền lợi của mình về việc nhận nuôi cả hai con, chị N nhận nuôi cả hai con hoặc anh C yêu cầu nhận nuôi con thì chị đề nghị nhận nuôi con Phương A2. Xét thấy cháu Đức A1 trên 7 tuổi hiện đang ở cùng anh C tại xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình, cháu có đơn xin ở với bố vì cháu đang học tập tại trường tiểu học và THCS tại xã S, để đảm bảo điều kiện ổn định của cháu, Hội đồng xét xử giao cho chị N nuôi con Phương A2, giao cho anh Chung nuôi con Đức A1 là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Huy C.

2. Về quan hệ con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là Phạm Huy Đức A1 sinh ngày 27/7/2007 và Phạm Thị Phương A2 sinh ngày 09/1/2014. Xử giao Phương A2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Đức A1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3.Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị N và anh C xác định không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, biên lai số0001827 ngày 05/6/2019 thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh C có mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/8/2019. Vắng mặt chị N, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã S huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng